



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

TỔNG QUAN

CTS DỰ BÁO NĂM 2024	ĐƠN VỊ	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Chỉ số giá tiêu dùng - CPI	% yoy	3,5%	> 3,5%
Tỷ giá USD/VND	VNĐ	24.300 – 24.800	> 24.800
Tăng trưởng tín dụng	% yoy	≥ 15%	< 15%
Tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới	% ytd	15%	< 15%
Giải ngân đầu tư công	% ytd	85 – 95%	< 85%
Tăng trưởng GDP	% yoy	6,0%	< 6,0%

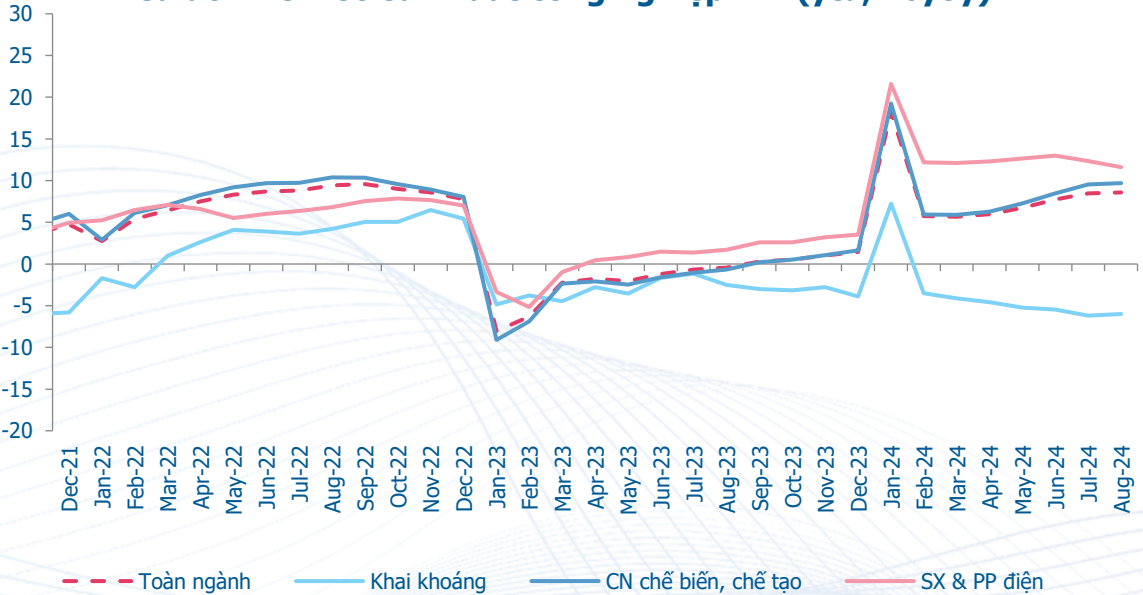
Chú thích: CTS dự báo khả năng có thể xảy ra

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ VIỆT NAM 8T/2024

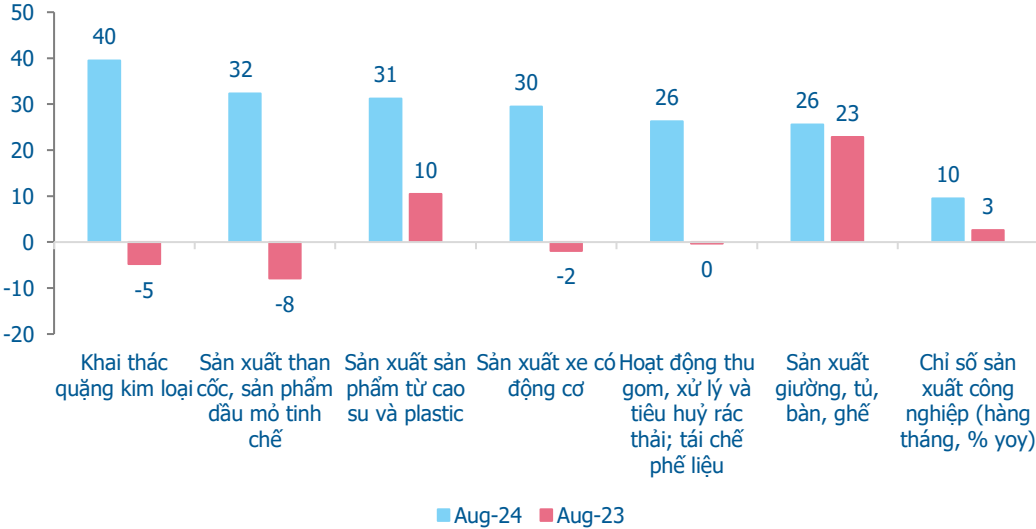
SẢN XUẤT KINH DOANH CẢI THIỆN MẠNH MẼ

- Trong 8 tháng đầu năm 2024, **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)** ước tính tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,6% và ngành khai khoáng giảm 6,0%.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 08/2024 đạt 52,4 điểm**, giảm so với mức 54,7 điểm của tháng 7 nhưng vẫn cho thấy mức cải thiện mạnh mẽ của các điều kiện kinh doanh vào thời điểm giữa quý 3.

Biểu đồ 1: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (ytd, %yoy)



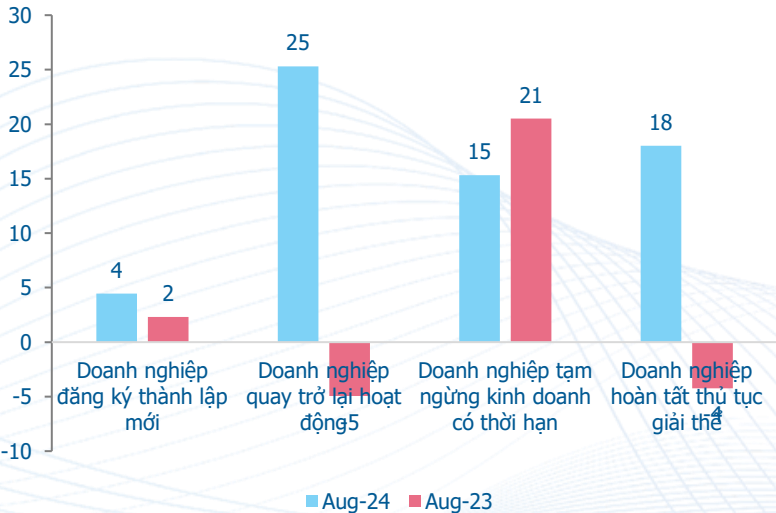
Biểu đồ 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, phân loại theo các ngành công nghiệp



DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI TĂNG

- Tính đến tháng 8 năm 2024, cả nước có khoảng 110,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế đạt 2,0 triệu tỷ đồng, giảm 5,1% so với cùng kỳ, trong đó, số vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 995 nghìn tỷ đồng (tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2023).
- Các doanh nghiệp thành lập mới đa phần có quy mô nhỏ (từ 0-10 tỷ đồng) với 102,6 nghìn doanh nghiệp, chủ yếu thuộc nhóm ngành dịch vụ (84,0 nghìn doanh nghiệp), công nghiệp và xây dựng (25,7 nghìn doanh nghiệp). Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận số doanh nghiệp ít nhất với 1.090 doanh nghiệp thành lập mới, chiếm 0,98% số doanh nghiệp thành lập mới.
- Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 8 tháng đầu năm 2024 là 57.312 doanh nghiệp, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm 2023. Công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực có số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động có mức tăng cao nhất với 6.555 doanh nghiệp, theo sau đó là hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ với 2.782 doanh nghiệp.

Biểu đồ 3: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (đơn vị: %)



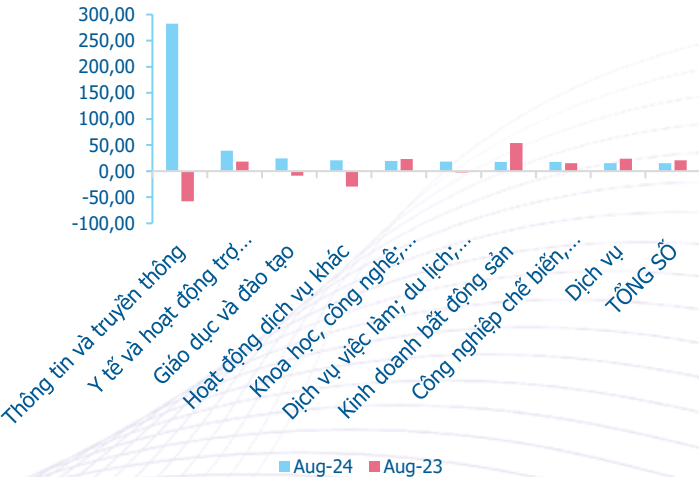
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 4: Tăng trưởng doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhiều nhất (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 5: Tăng trưởng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng nhiều nhất (đơn vị: %)

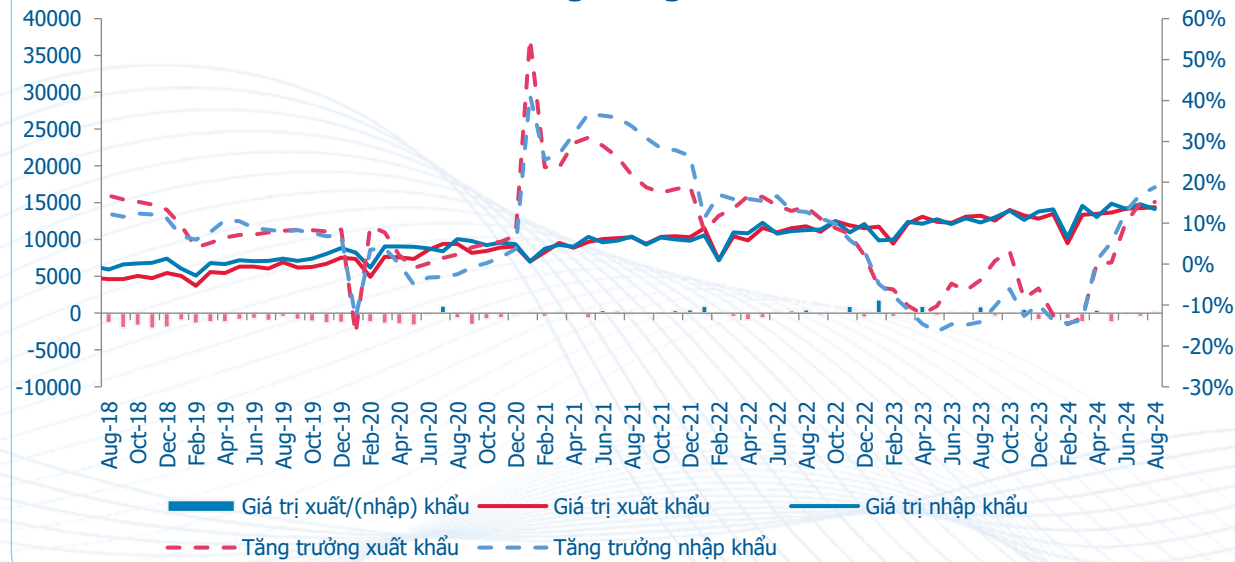


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

XUẤT NHẬP KHẨU TRỞ LẠI ẤN TƯỢNG

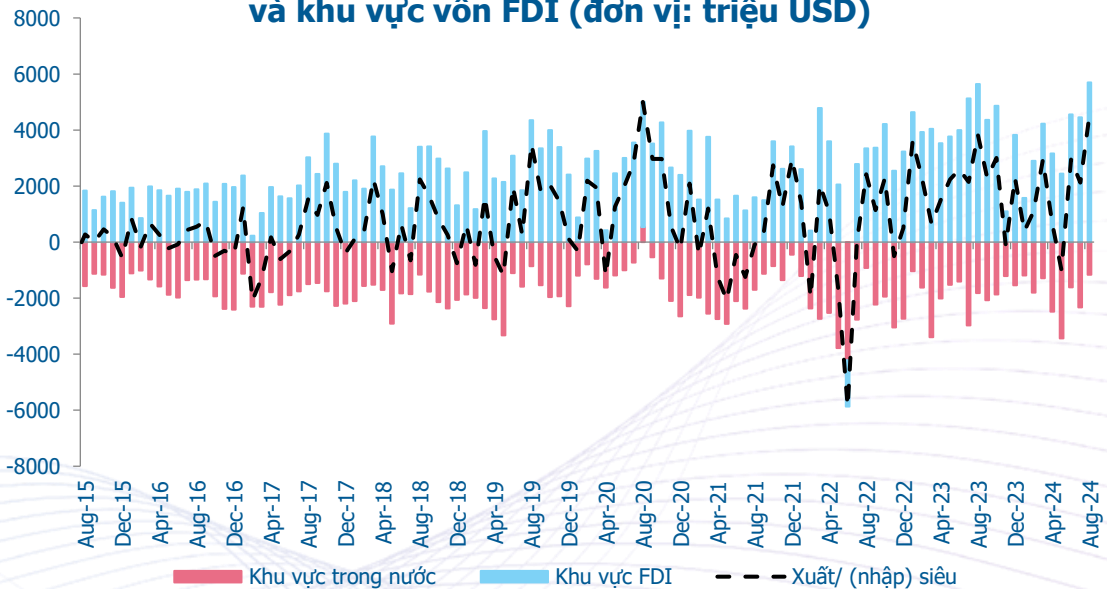
- Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, **tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 511,1 tỷ USD**, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15,8%; nhập khẩu tăng 17,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 19,1 tỷ USD.
- Trong 8T/2024, **kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 265,1 tỷ USD**, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 73,9 tỷ USD, tăng 21%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 191,2 tỷ USD, tăng 13,9%, chiếm 72,1%.
- Trong 8T/2024, **kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 246,0 tỷ USD**, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 89,6 tỷ USD, tăng 19,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 156,4 tỷ USD, tăng 16,5%.

Biểu đồ 6: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và tốc độ tăng trưởng trong nước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 7: Giá trị xuất nhập khẩu khu vực trong nước và khu vực vốn FDI (đơn vị: triệu USD)

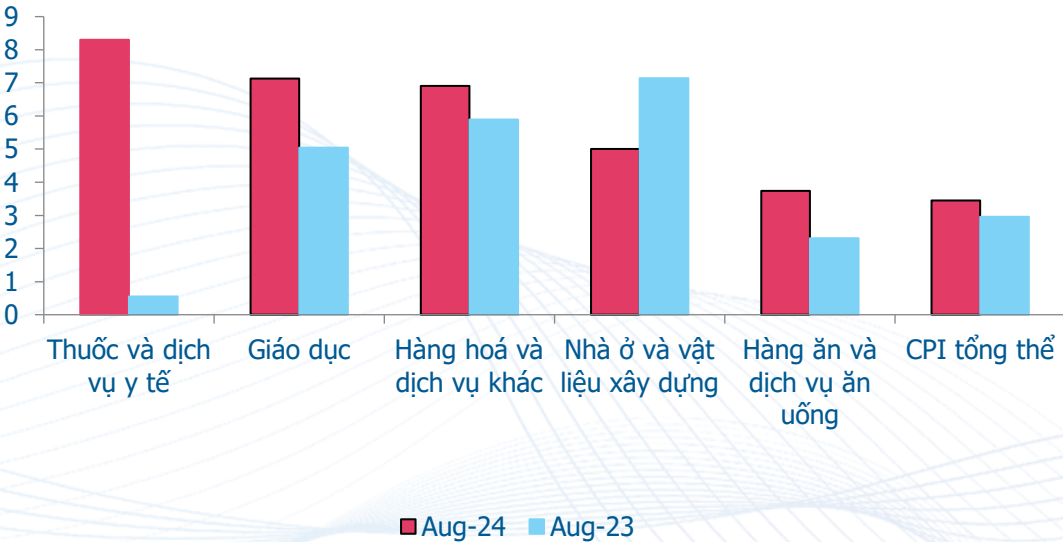


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

LẠM PHÁT VẪN ĐANG TRONG TẦM KIỂM SOÁT ỔN ĐỊNH

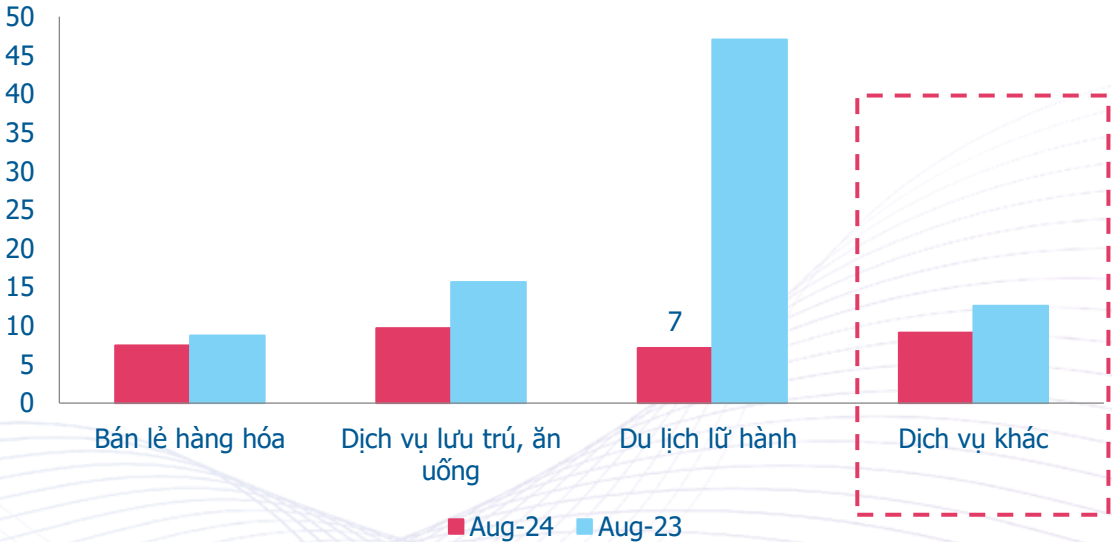
- Trong tháng 8, chỉ số CPI duy trì ổn định so với tháng trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2024, **chỉ số CPI tăng 4,04%, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với cùng kỳ năm trước**. Lạm phát cơ bản tăng 2,71%, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,04%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.
- Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt **4.148,4 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước** (cùng kỳ năm 2023 tăng 10,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,3% (cùng kỳ năm 2023 tăng 8,0%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa 7 tháng năm 2024 ước đạt 3.199,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,1% tổng mức và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 8: Chỉ số giá tiêu dùng CPI, so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 9: Tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

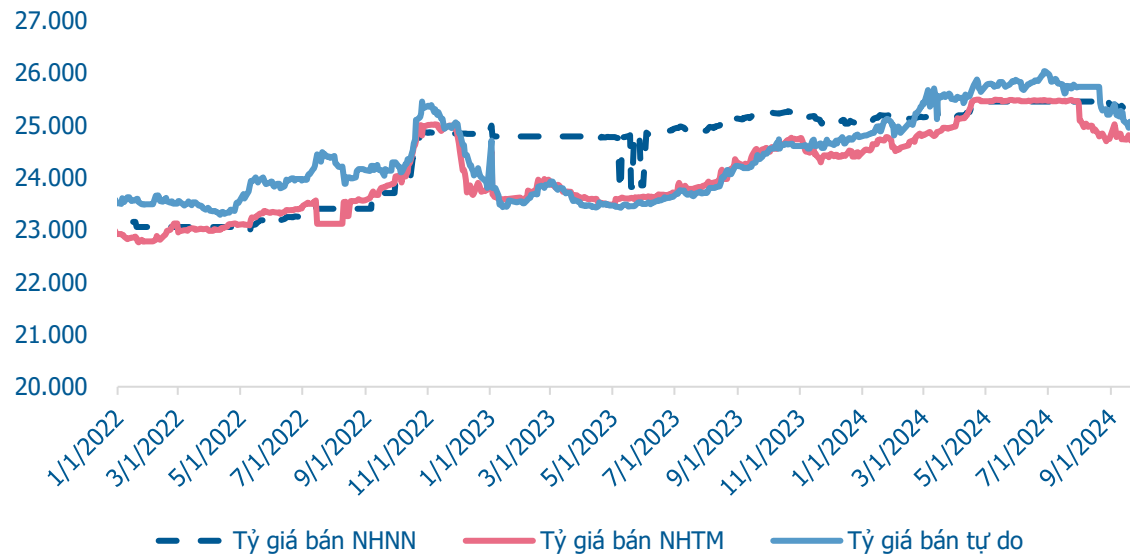


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

ÁP LỰC TỶ GIÁ GIẢM DẦN

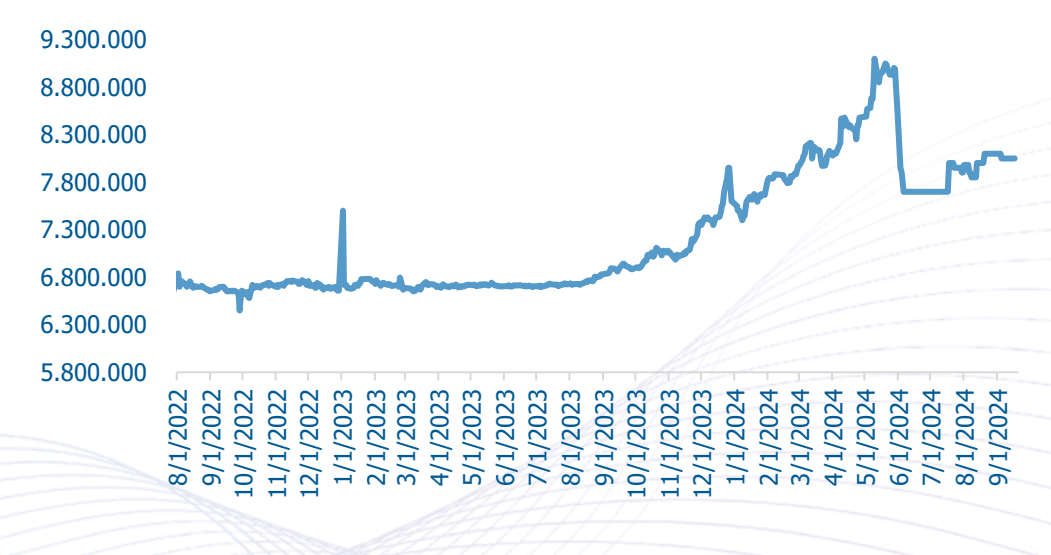
- **Áp lực tỷ giá giảm dần và tỷ giá USD/VND duy trì ổn định.** Tính đến ngày 25/09/2024, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD đang ở mức 24.146 VNĐ. Hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại (NHTM) được phép giao dịch trong biên độ từ 24.280 – 24.790 USD/VND. Chúng tôi đánh giá, nguyên nhân tỷ giá bước vào xu hướng giảm dần chủ yếu là do ảnh hưởng của diễn biến thị trường thế giới trong bối cảnh thị trường dự đoán Fed sẽ “mạnh tay” nới lỏng lãi suất, với mức cắt giảm 75 điểm cơ bản vào cuối năm và chỉ số chỉ số DXY - chỉ số đo lường đồng USD giảm mạnh.
- **Trong khi đó, giá vàng thế giới tiếp tục lập đỉnh mới trong bối cảnh nhu cầu trú ẩn tăng trước những bất ổn địa chính trị.** Tính đến ngày 25/09/2024, bình quân giá vàng thế giới vẫn dao động mức 2.662 USD/ounce, tăng 6,2% so với tháng trước. Ở trong nước, giá vàng SJC cũng đang tiệm cận ở vùng giá 81,5 – 83,5 triệu đồng, tiếp tục nằm trong vùng giá cao trong nhiều năm trở lại đây.

Biểu đồ 10: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 11: Tỷ giá vàng bán ra SJC Hà Nội



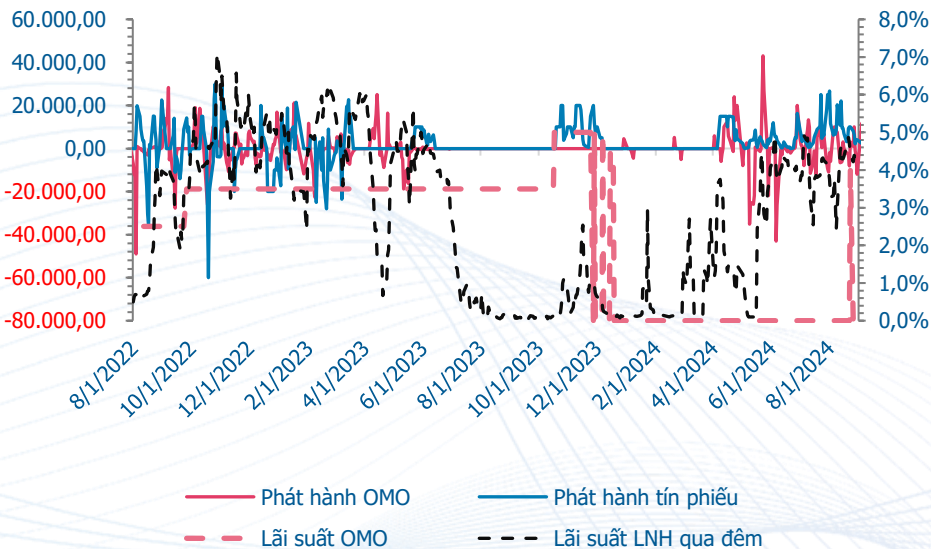
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

NHNN TIẾP TỤC PHÁT HÀNH TRÊN KÊNH TÍN PHIẾU

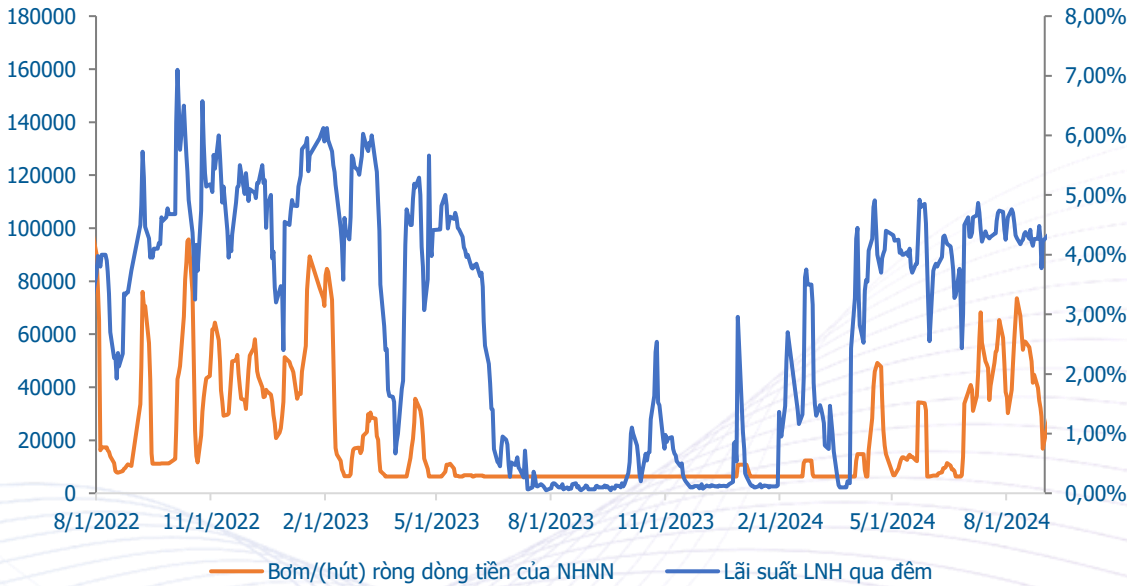
- Trong tháng 8/2024, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 16 phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ với **tổng giá trị gọi thầu là 56,8 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu là 79,8%.**
- Tổng giá trị Trái phiếu chính phủ (TPCP) phát hành thông qua đấu thầu trong 8 tháng đầu năm 2024 là hơn 238 nghìn tỷ đồng, tương đương 59,6% kế hoạch cả năm, trong đó khối lượng TPCP phát hành tháng 7 và tháng 8 là 81,7 tỷ đồng, đạt 54,5% kế hoạch Quý 3.

- Lãi suất liên ngân hàng trong tháng 08 giảm ở hầu hết các kỳ hạn. **Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt hơn 7,3 triệu tỷ đồng, giảm 8,2% so với tháng trước.**
- Nghiệp vụ thị trường mở: trong tháng 08, NHNN tiếp tục phát hành trên kênh tín phiếu tổng cộng **22 nghìn tỷ đồng tín phiếu kỳ hạn 14** nhưng cũng mua **GTCG kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày trên kênh OMO** với tổng giá trị **33,3 nghìn tỷ đồng.**

Biểu đồ 12: Khối lượng phát hành OMO và tín phiếu



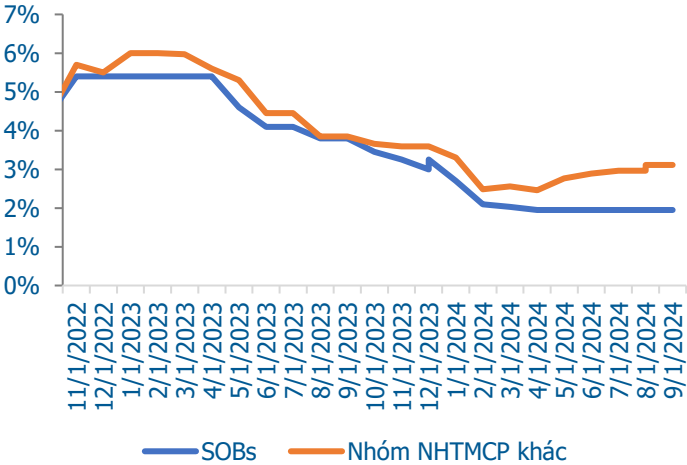
Biểu đồ 13: Lãi suất LNH qua đêm và cung tiền từ NHNN



LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH DUY TRÌ Ở MỨC ỔN ĐỊNH

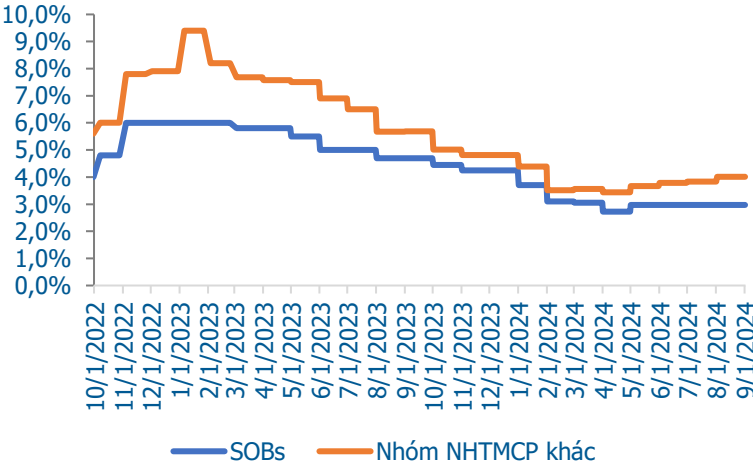
- Hiện tại lãi suất tái cấp vốn vẫn đang duy trì ở mức 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu duy trì ở mức 3% và lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 5%/năm.
- Mặt bằng lãi tiền gửi các kỳ hạn cũng ghi nhận xu hướng hồi phục nhẹ trong thời gian vừa qua. Cụ thể (1) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 2% - 2,5%, của các NHTM là 3%-3,5%. (2) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6-9 tháng của các NHTM là 3,5% - 4%. (3) Lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng của các NHTM là khoảng 4,5%-5%.

Biểu đồ 14: Lãi suất tiền gửi VND từ 3 đến <6 tháng



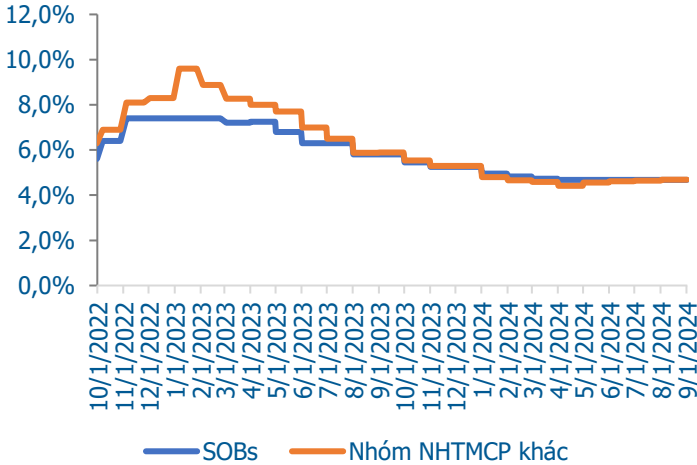
Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 15: Lãi suất tiền gửi VND từ 6-9 tháng



Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 16: Lãi suất tiền gửi VND từ 12 tháng

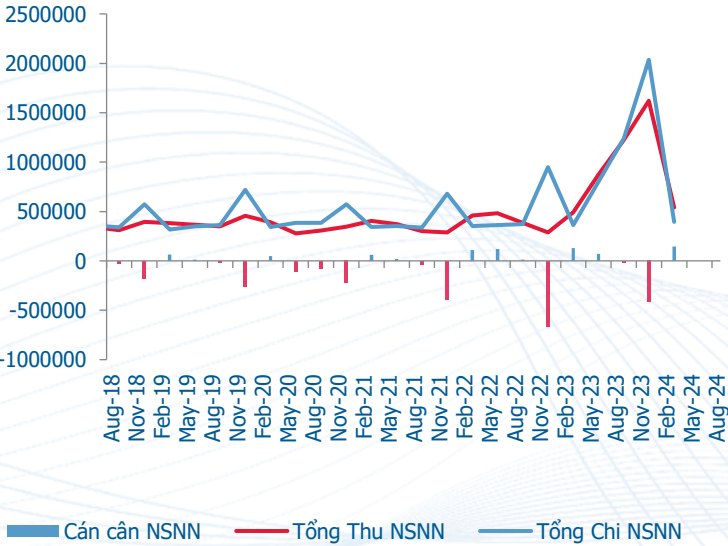


Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

TỔNG THU NSNN 08 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 ĐẠT 1.335,6 NGHÌN TỶ ĐỒNG

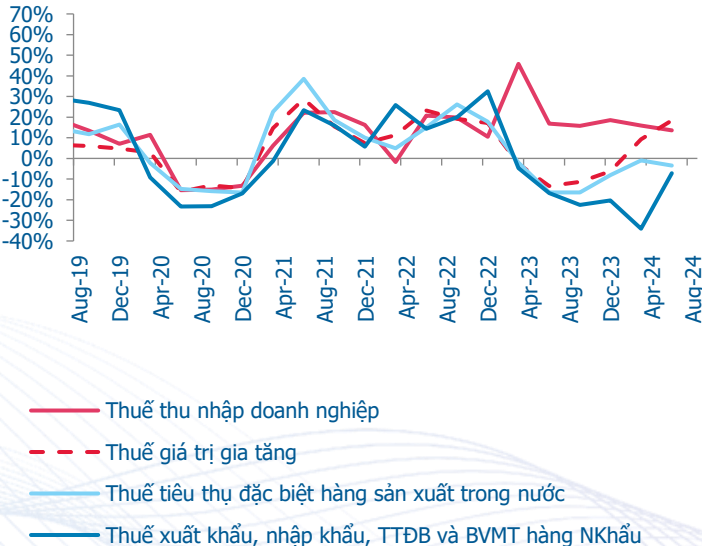
- Tổng thu** ngân sách Nhà nước **8 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.335,6 nghìn tỷ đồng**, bằng 78,5% dự toán năm và tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Thu nội địa ước đạt 1.117,2 nghìn tỷ đồng, tăng 18,9 svck; Thu từ dầu thô ước đạt khoảng 39,4 nghìn tỷ đồng, giảm 2,6% svck và Thu cân đối ngân sách ước đạt 178,7 nghìn tỷ đồng, tăng 16,2% svck.
- Tổng chi** ngân sách Nhà nước **8 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.104,2 nghìn tỷ đồng**, bằng 52,1% dự toán năm và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Chi đầu tư phát triển ước đạt hơn 273,6 nghìn tỷ đồng, giảm 8,9% svck; Chi trả nợ lãi ước khoảng 71,1 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% svck và Chi thường xuyên ước đạt 758,7 nghìn tỷ đồng, tăng 6,0% svck.

Biểu đồ 17: Cân đối thu - chi ngân sách nhà nước



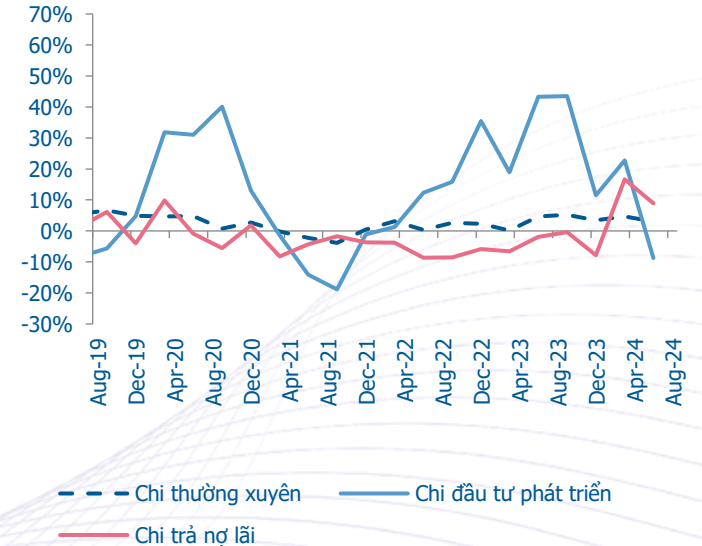
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 18: Tăng trưởng các khoản thu chính



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 19: Tăng trưởng các khoản chi chính

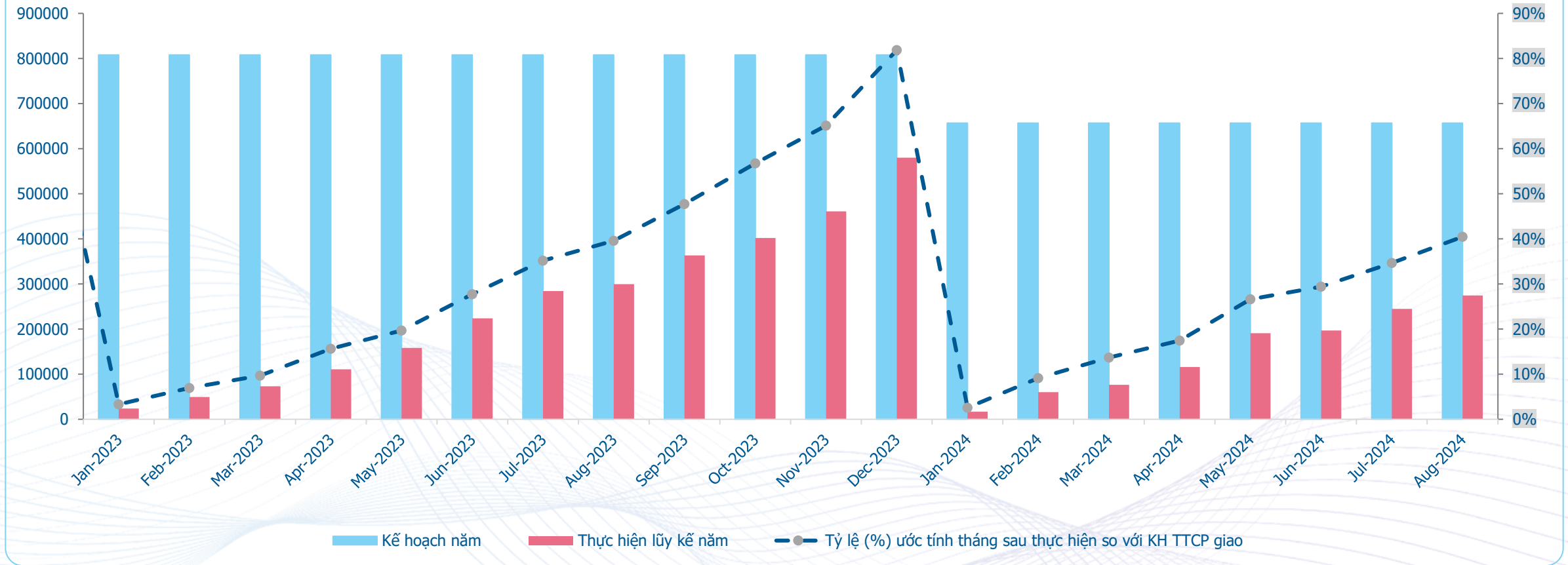


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

ƯỚC GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 8 THÁNG ĐẠT 37%

- Theo Bộ Tài chính, tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 08 tháng năm 2024 ước đạt 274,5 nghìn tỷ đồng, đạt 37% tổng kế hoạch, đạt 40,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Tỷ lệ này thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 đạt 39,6% kế hoạch và đạt 42,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).

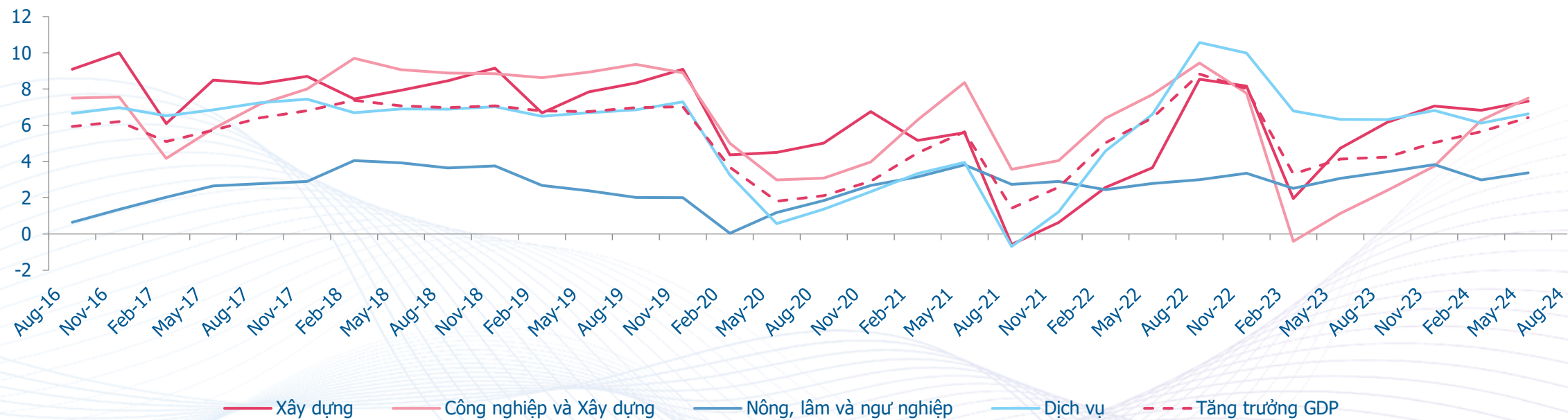
Biểu đồ 20: Tình hình giải ngân vốn đầu tư công, giai đoạn 2022 - 2024



NỀN KINH TẾ ĐANG CÓ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH TÍCH CỰC

- Tăng trưởng GDP Q2/2024 là 6,93% so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, cho thấy dấu hiệu khởi sắc của nền kinh tế. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, GDP tăng 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của 6 tháng đầu năm 2022 trong cả giai đoạn 2020-2024.
- Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 5,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44,28%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 49,76%.
- Tuy nhiên, nhiều biến số khó lường từ giờ đến cuối năm chắc chắn sẽ là thách thức cho tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Việt Nam.
- Quốc Hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 6,0%-6,5%. Hàng loạt tổ chức quốc tế uy tín, cũng đã dự báo tăng trưởng GDP của nước ta trong khoảng 6,5% như World Bank, IMF.

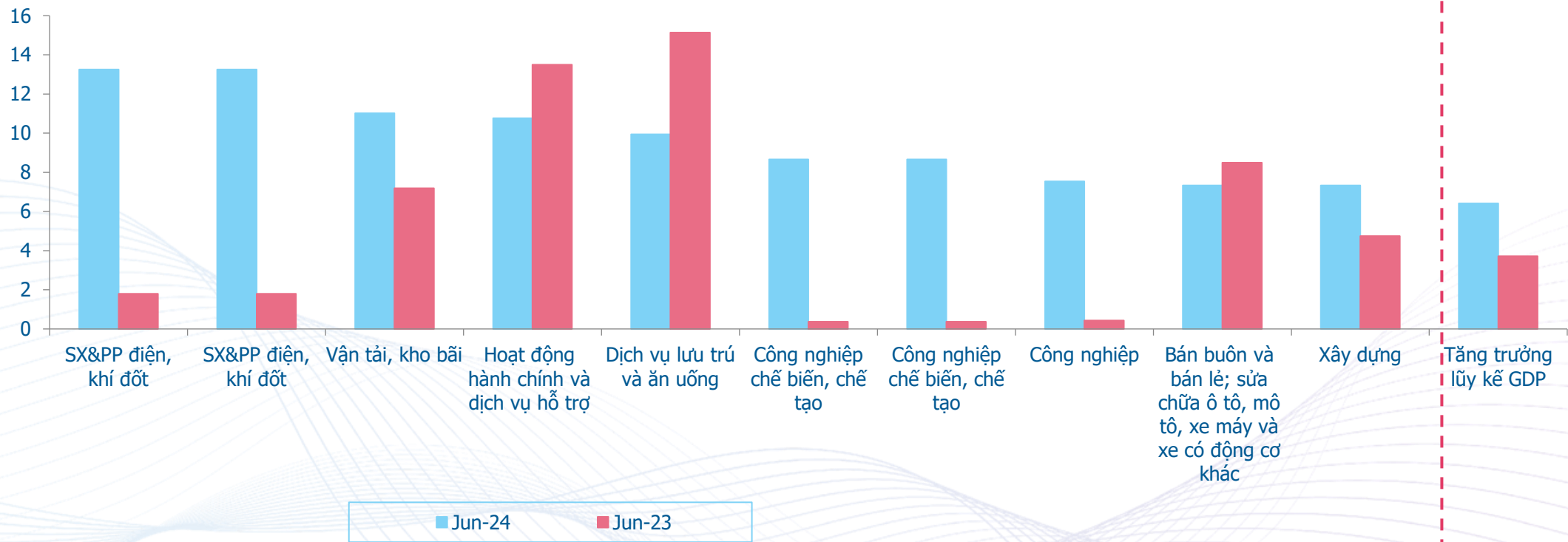
Biểu đồ 21: Tăng trưởng lũy kế GDP và các khu vực kinh tế, giai đoạn 2016 – 2024 (đơn vị: %)



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG LŨY KẾ CÁC NGÀNH (THEO QUÝ)

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ và bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đang là những ngành có tốc độ tăng trưởng khả thi nhất kể từ đầu năm 2024.

Biểu đồ 22: Các ngành có tốc độ tăng trưởng lũy kế cao nhất
(đơn vị: %)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính

📍 Tòa N02-T2 Khu Ngoại Giao Đoàn, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

☎ 024 3974 1771 📠 024 3974 1760

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

📍 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

☎ 024 3974 1771 📠 028 3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng

📍 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

☎ 024 3974 1771 📠 023 6358 4788